TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/KDTM - ST
Ngày: 09-6-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán điện.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Hữu Quang;
- Bà Hồ Thị Lệ Thu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM: Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST-KTST ngày 24/01/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐST-KDTM ngày 25/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-KDTM ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty A; địa chỉ trụ sở: đường A, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1967; địa chỉ: đường A, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền tại Giấy ủy quyền số 1484/UQ-PCTT ngày 13/12/2021 và Giấy ủy quyền số 3117/UQ-EVNHCMC ngày 29/6/2021 Tổng Công ty A (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Phạm Đức H sinh năm 1965 – Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q; địa chỉ: đường số C, Khu phố D, phường E, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29 tháng 7 năm 2016 Chi nhánh Tổng Công ty A – Công ty Điện lực Tân Thuận (gọi tắt là Công ty) đã ký Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18/001617, mã khách hàng: PE05000214925 với ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền điện sử dụng hàng tháng. Tuy nhiên, từ tháng 02, 03, 05, 06 năm 2021 đến nay ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q đã không thanh toán tiền điện đúng hạn theo Hợp đồng đã ký nêu trên.

Ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q nợ tiền điện quá kỳ hạn thanh toán 04 hóa đơn như sau:

1. Hóa đơn số 1516202 khách hàng sử dụng điện từ ngày 08/01/2021 đến 07/02/2021 với số tiền 1.621.728 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng).

2. Hóa đơn số 1687889 khách hàng sử dụng điện từ ngày 08/02/2021 đến 07/03/2021 với số tiền 941.365 đồng (Chín trăm bốn mươi mốt ngàn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

3. Hóa đơn số 2035419 khách hàng sử dụng điện từ ngày 08/04/2021 đến 07/05/2021 với số tiền 52.787 đồng (Năm mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

4. Hóa đơn số 2210085 khách hàng sử dụng điện từ ngày 08/05/2021 đến 07/06/2021 với số tiền 23.461 đồng (Hai mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi mốt đồng).

Tổng số tiền nợ 04 hóa đơn: 2.639.341 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng). Tổng Công ty A đã thông báo ngừng cung cấp điện từ ngày 22/11/2021 nhưng đến nay ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q vẫn chưa thanh toán tiền điện còn nợ cho Công ty.

Tổng Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q thanh toán đầy đủ số tiền 04 kỳ là 2.639.341 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng).

Bị đơn là ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 478032/20 ngày 28/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Tổng Công ty A có nội dung đăng ký doanh nghiệp: sản xuất điện, chi tiết sản xuất điện năng; truyền tải và phân phối điện, chi tiết: phân phối và kinh doanh điện năng; căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q phải trả số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích kinh doanh dịch vụ số 18/001617, mã khách hàng: PE05000214925 thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng mua bán điện" được quy định tại Điều 688, Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 22 Luật Điện lực năm 2004.

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích kinh doanh dịch vụ số 18/001617, mã khách hàng: PE05000214925 là do nguyên đơn và bị đơn kí kết, thực hiện và nhằm mục đích lợi nhuận; nguyên đơn là tổ chức có đăng ký kinh doanh hợp

pháp theo quy định về pháp luật Doanh nghiệp. Cho nên, Tòa án xác định đây là loại vụ kiện kinh doanh thương mại thuộc Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích kinh doanh dịch vụ số 18/001617, mã khách hàng: PE05000214925 thể hiện ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q tại thời điểm ký kết hợp đồng với nguyên đơn có địa chỉ tại đường số C, Khu phố D, phường E, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Kết quả xác minh của Công an phường E Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: "đương sự Phạm Đức H sinh năm 1965 có hộ khẩu thường trú tại đường số C, Khu phố D, phường E, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay, không còn cư ngụ tại địa chỉ trên từ tháng 10/2020 đến nay. Đi đâu không rõ" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7,Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn theo theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét, Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18/001617, mã khách hàng: PE05000214925 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Thông tư số 19/2014/TTBCT của Bộ Công thương ngày 18/6/2014 về việc ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, nên đủ căn cứ xác định bị đơn ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q có mua điện phục vụ mục đích kinh doanh dịch vụ tại địa chỉ đường số C, Khu phố D, phường E, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Hóa đơn (GTGT) tiền điện số 1516202, số 1687889, số 2035419, số 2210085 thì tổng số tiền điện mà bị đơn ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q đã sử dụng theo hợp đồng trên là 2.639.341 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng).

Căn cứ vào các Thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán ngày 22/11/2021, 19/11/2021, ngày 26/11/2021 của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: bị đơn là ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q còn nợ lại chưa thanh toán 04 kỳ tiền điện với tổng số tiền là 2.639.341 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng). Do đó, nguyên đơn đã ngừng cung cấp điện là đúng theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2004.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.639.341 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 23, điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004.

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Trọng N, bị đơn - ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty A.

- Buộc ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q phải thanh toán 4 kỳ tiền điện của các Hóa đơn số 1516202, số 1687889, số 2035419, số 2210085 tổng cộng là 2.639.341 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng) cho Tổng Công ty A.

Trong trường hợp ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tổng Công ty A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013961 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tổng Công ty A và ông Phạm Đức H– Chủ Hộ kinh doanh Hưng Q được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tống đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK Thu).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Duyên